

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày: 19-01-2018

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Kim Ngọc Trường**

2. Bà **Ngô Thị Oanh Kiều**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 223/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc *“Tranh chấp đòi lại tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lâm Hồng Đ**, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-10-2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông **Lâm Hồng Đ** trình bày: Vào năm 2016 ông **Đ** có thuê anh **Trần Hữu T** làm tài xế chạy xe tải tuyến Bắc-Nam, quá trình chạy xe giao hàng nhiều lần anh **T** nhận giùm ông với số tiền là 16.000.000 đồng nhưng khi anh **T** về thì không đưa lại cho ông khoản tiền này. Sau đó ông đã nhiều lần yêu cầu anh **T** phải trả tiền lại nhưng anh **T** cứ hẹn hết ngày này đến ngày khác, nên vào ngày 07 tháng 3 năm 2017 ông có gửi đơn yêu cầu công an giải quyết, kết quả anh **T** thừa nhận có thiếu số tiền nêu trên và hứa mỗi tháng sẽ trả cho ông 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ,

nhưng sau đó thì anh T chỉ trả cho ông được một lần là 4.000.000 đồng vào ngày 24/5/2017, còn lại 12.000.000 đồng đến nay anh T vẫn không trả nên ông khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Trần Hữu T, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để anh thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập. Tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lâm Hồng Đ khởi kiện anh Trần Hữu T để đòi lại số tiền 12.000.000 đồng phát sinh từ việc anh T thu tiền chở hàng nhưng không giao lại tiền cho ông Đ, do đó xác định đây là quan hệ tranh chấp “*Đòi lại tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án này bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Hữu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hai phiên tòa sơ thẩm mở vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 04/01/2018 và 07 giờ 30 phút ngày 19/01/2018, mặc dù bị đơn đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy vào năm 2016 ông Đ có thuê anh Trần Hữu T làm tài xế chạy xe tải tuyến Bắc-Nam, quá trình chạy xe giao hàng anh T có nhận giùm ông Đ với số tiền là 16.000.000 đồng nhưng khi về thì anh T không đưa lại cho ông Đ khoản tiền này. Ông Đ đã nhiều lần yêu cầu anh T phải trả tiền lại nhưng anh T cứ hẹn mà không chịu trả. Như vậy, rõ ràng anh T đã chiếm hữu tài sản của ông Đ mà anh T biết rõ là mình không có quyền đối với tài sản đó, do đó việc chiếm hữu tài sản của anh T là chiếm hữu không ngay tình. Vào ngày 07/3/2017 ông Đ có gửi đơn yêu cầu Công an giải quyết, kết quả anh T thừa nhận có tự ý lấy số tiền nêu trên của ông Đ để tiêu xài và hứa mỗi tháng sẽ trả ông Đ 4.000.000 đồng (ông Đ cung cấp được chứng cứ chứng minh anh T thừa nhận thiếu ông Đ 16.000.000 đồng và anh T có viết cam kết trả lại tiền cho ông Đ), nhưng sau đó thì anh T chỉ trả cho ông Đ được một lần là 4.000.000 đồng vào ngày 24/5/2017, còn lại 12.000.000 đồng đến nay anh T vẫn không trả là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 274 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh T đã biết việc ông Đ khởi kiện và biết các tài liệu chứng cứ mà ông Đ cung cấp cho Tòa án nhưng anh T không có ý kiến phản đối hay đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc đã trả số tiền

12.000.000 đồng cho ông Đ hay chưa, nên việc ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 185 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hồng Đ, buộc anh Trần Hữu T phải trả lại cho ông Đ số tiền 12.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể như sau: 12.000.000 đồng x 5% = 600.000 đồng. Ông Đ được trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 181, 185, 274 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hồng Đ, buộc anh Trần Hữu T phải trả cho ông Đ số tiền 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lâm Hồng Đ mà anh Trần Hữu T không thi hành (hoặc thi hành không đầy đủ), thì hàng tháng anh T còn phải trả thêm cho ông Đ tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Trần Hữu T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lâm Hồng Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012860 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

4. Ông Lâm Hồng Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Hữu T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Duyên